ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÔNG KÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 208 /KH-UBND	*Sông Kôn, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ năm 2026 theo 02 chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ, trên địa bàn xã Sông Kôn

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 (Nghị định số 351/2025/NĐ-CP); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg).

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo (Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT); Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT), Công văn số 8173/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026.

Thực hiện Kế hoạch số 458/KH-UBND ngày 07/9/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn thành phố theo 02 chuẩn nghèo đa chiều quốc gia quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; Công văn số 12695/SNNMT-CCPTNT ngày 09/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo Kế hoạch số 458/KH-UBND ngày 07/9/2026 của UBND thành phố; UBND xã Sông Kôn ban hành Kế hoạch triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo 02 chuẩn nghèo đa chiều quốc gia quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ, trên địa bàn xã với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP để làm căn cứ đánh giá kết quả giảm nghèo năm 2026.

b) Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP để xác định thực trạng nghèo đa chiều cuối năm 2026 (đầu kỳ) phục vụ xây dựng, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, giải pháp giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 và tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác kể từ ngày 01/01/2027;

c) Đánh giá chuẩn nông thôn mới năm 2026 về tiêu chí nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về tiêu chí nghèo đa chiều.

2. Yêu cầu

a) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tổ chức rà soát.

b) Thực hiện đúng quy trình, phương pháp, tiến độ thời gian rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, đảm bảo không bỏ sót đối tượng, phản ánh đúng thực trạng nghèo của địa phương.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; từng tiêu chí phải **được rà soát trực tiếp** tại hộ gia đình để đánh giá chính xác, đầy đủ, xác định được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo đúng chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

d) Thực hiện công nhận, phê duyệt, tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát đúng, đủ theo biểu mẫu quy định theo từng chuẩn nghèo đa chiều (giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ RÀ SOÁT, LỰC LƯỢNG NGƯỜI RÀ SOÁT VÀ THỜI GIAN RÀ SOÁT ĐỊNH KỲ NĂM 2026

1. Phạm vi rà soát: Thực hiện trên địa bàn xã Sông Kôn.

2. Đối tượng rà soát

Hộ gia đình sinh sống trên địa bàn xã Sông Kôn theo quy định của Luật Cư trú số 68/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15;

3. Đơn vị rà soát: Rà soát theo từng thôn.

4. Tổ chức lực lượng người thực hiện rà soát

- Lực lượng người rà soát là công chức, viên chức các cơ quan đơn vị trực thuộc để hỗ trợ cho các thôn trong quá trình thực hiện rà soát phù hợp, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, không bỏ sót đối tượng;

- Trưởng thôn xét chọn, lập danh sách người tham gia thực hiện rà soát trên địa bàn thôn phù với số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đơn đăng ký rà soát (dự kiến), ưu tiên lựa chọn người thực hiện rà soát có khả năng giao tiếp, ghi chép, biết công nghệ thông tin, sử dụng điện thoại thông minh, am hiểu địa bàn rà soát, có tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các năm qua.

5. Thời gian rà soát, báo cáo sơ bộ, báo cáo chính thức

Thực hiện từ ngày 01/9/2026 đến hết ngày 14/12/2026 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, cụ thể:

a) Giai đoạn chuẩn bị rà soát: **Từ ngày 01/9/2026 đến ngày 30/9/2026**, xây dựng, ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, in biểu mẫu, tài liệu rà soát và tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát.

b) Giai đoạn tổ chức thực hiện rà soát: Từ ngày 30/9/2026 đến ngày 30/11/2026, tổ chức thực hiện rà soát và báo cáo sơ bộ kết quả rà soát như sau:

- Trước ngày 31/10/2026: UBND xã báo cáo sơ bộ về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;

- Đến ngày 30/11/2026: UBND xã hoàn thành việc rà soát, tổng hợp kết quả và hồ sơ rà soát để thực hiện các bước thẩm tra, công nhận theo quy định.

c) Giai đoạn kết thúc rà soát: Từ ngày 01/12/2026 đến trước ngày 15/12/2026, tổng hợp, thẩm tra, công nhận, phê duyệt và báo cáo chính thức kết quả rà soát trên địa bàn toàn thành phố, cụ thể:

- Trước ngày 05/12/2026: Chủ tịch UBND xã Quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn và báo cáo kết quả chính thức về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố;

III. RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO ĐỊNH KỲ NĂM 2026 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025

Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP, chuẩn nghèo áp dụng thực hiện rà soát định kỳ năm 2026 là chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025 được quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Chuẩn hộ nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng (tương đương 140 điểm) trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng (tương đương 140 điểm) trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

* Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin;.

* Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2. Đối tượng rà soát

Toàn bộ hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát *(ngày 01/9/2026).*

3. Phương pháp rà soát

Thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021, được hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1, Văn bản hợp nhất số 24/VBHN BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và

Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Quy trình rà soát:

a) Thực hiện theo Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2, Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã[1] chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

c) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm A ≤ 140 điểm và điểm B ≥ 30 điểm ở khu vực nông thôn;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm A ≤ 140 điểm và điểm B < 30 điểm ở khu vực nông thôn.

Lưu ý: Việc tổ chức thực hiện theo đúng quy trình rà soát và không bỏ các bước trong quy trình rà soát tại Điều 4 và tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát

a) Tổng hợp, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo bộ biểu mẫu quy định.

- Mẫu biểu báo cáo sơ bộ: Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT.

- Mẫu biểu báo cáo chính thức: Mẫu 7.1 đến Mẫu 7.11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https://qlhnsnnmt.danang.gov.vn

b) Thời điểm báo cáo kết quả sơ bộ, chính thức: Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Mục II Kế hoạch này.

IV. RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2026 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2027-2030

1. Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

Căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP, chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 quy định như sau:

[1] Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã được thành lập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

a) Chuẩn hộ nghèo: Là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người 2.200.000 đồng/người/tháng (tương ứng điểm Đ là 190 điểm) trở xuống và thiếu hụt (TH) từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo: Là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống (tương ứng điểm Đ là 190 điểm) và thiếu hụt (TH) dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

* Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; thông tin; nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường.

* Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: Việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng, bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người; sử dụng dịch vụ viễn thông; nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh, xử lý rác thải.

2. Đối tượng rà soát

a) Hộ gia đình **thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm:**

a1) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát;

a2) Hộ gia đình cư trú trên địa bàn xã, phường (ngoài đối tượng quy định tại điểm a khoản này) có giấy đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT[2].

3. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình, cụ thể:

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

b) Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

4. Quy trình rà soát

---

[2] theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

Thực hiện theo quy trình rà soát tại Điều 5 Thông tư 25/2026/TT-BNNMT, cụ thể:

4.1. Bước 1: Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát (theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT), gồm:

a) Hộ gia đình thuộc **danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm:**

a1) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát;

a2) Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch UBND xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát.

4.2 Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1, Mẫu số 2.2 (khu vực nông thôn duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên); Phiếu B2, Mẫu số 2.3; Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và chỉ số thiếu hụt TH từ Phiếu B2 để thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, cụ thể như sau:

b1) Hộ nghèo là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

b2) Hộ cận nghèo là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

b3) Hộ có điểm Đ trên 190 được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b4) Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở mà trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã.

c) Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04, Phụ lục I, kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

4.3 Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

a) Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì); đại diện UBND xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn thôn tham dự.

c) Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến về kết quả rà soát, kết quả phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì lập Biên bản cuộc họp báo cáo UBND xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì lập Biên bản cuộc họp báo cáo UBND xã để chỉ đạo rà soát lại.

d) Kết quả cuộc họp gồm:

- 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

- 01 biên bản gửi UBND xã (qua phòng Kinh tế), 01 biên bản Trưởng thôn lưu.

- Kèm theo Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

4.4 Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

a) Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, Cổng thông tin điện tử và qua đài truyền thanh xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

b) Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở UBND xã và tại thôn.

c) Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, Phòng Kinh tế tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

4.5. Bước 5: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

a) Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT **trước ngày 31/12/2026**.

Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, UBND xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của UBND xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở UBND xã và tại các thôn trên địa bàn xã.

5. Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát

a) UBND xã tổng hợp, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu, biểu tổng hợp quy định như sau:

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm và rà soát trong năm **theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III** ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm **theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III** ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

b) Thời điểm báo cáo kết quả sơ bộ, chính thức:

- Thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 5 Mục II Kế hoạch này.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https://csdlhn.mae.gov.vn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phòng Kinh tế sử dụng nguồn kinh phí năm 2025 chuyển nguồn (Tiểu dự án 2, dự án 7) và kinh phí chi thường xuyên được UBND xã phân bổ năm 2026 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường[3] để thực hiện rà soát.

(Đính kèm Phụ lục Dự toán nguồn kinh phí rà soát năm 2026)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

a) Tham mưu UBND xã xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch rà soát; tham mưu UBND xã tổ chức lực lượng người thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b) Tham mưu UBND xã tổ chức hội nghị triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026; tổ chức hội nghị tập huấn về chuẩn nghèo đa chiều, quy trình và phương pháp, nghiệp vụ rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; hướng dẫn những quy định đối với những trường hợp trong nhận dạng nhanh hộ gia đình có khả năng không nghèo, không cận nghèo để loại khỏi danh sách rà soát ban đầu, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

c) Xây dựng, phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ rà soát để triển khai thực hiện.

d) In, pho to và ban hành tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ (cẩm nang, tờ rơi, tài liệu tập huấn, các biểu mẫu phục vụ rà soát,…) về chuẩn nghèo đa chiều và quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo;

---

[3] Quy định tại Điều 39 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; khoản 3 Mục II Phần A Công văn số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, phúc tra kết quả rà soát tại các thôn trên địa bàn;

e) Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo 02 chuẩn nghèo đa chiều quốc gia trên địa bàn xã như sau:

e1) Đối với kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025:

- Tham mưu UBND xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND xã báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống https://qlhnsnnmt.danang.gov.vn: **hoàn thành cập nhật trước 30/11/2026.**

e2) Đối với kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030:

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; công nhận kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn kèm theo đầy đủ các Mẫu số từ 3.1 đến biểu 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 theo đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT (theo Mẫu số 06 Phụ lục I).

- Tham mưu UBND xã báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 với Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7, Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT và quy định tại Kế hoạch này.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống phần mềm của trung ương https://csdlhn.mae.gov.vn và phần mềm của thành phố https://qlhnsnnmt.danang.gov.vn theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, **hoàn thành cập nhật trước 30/11/2026.**

2. Các phòng, ban, ngành liên quan

Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch UBND xã; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các thôn và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã đạo về tiến độ, chất lượng và kết quả rà soát theo địa bàn được phân công phụ trách. Cử công chức, viên chức đơn vị tham gia thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn được phân công.

3. Thống kê cơ sở Đông Giang phối hợp Phòng Kinh tế trong quá trình tổ chức thực hiện công tác rà soát, nhất là công tác xác định số hộ dân trên địa bàn.

4. Văn phòng HĐND-UBND xã

Phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu UBND xã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai, đôn đốc, công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn xã; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị triển khai và tổ chức tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ rà soát cho các lực lượng người rà soát.

5. Trung tâm phục vụ Hành chính công:

Tiếp nhận giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo theo quy định tại Quyết định 4060/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

6. Trung tâm Cung ứng DVSNC: Tổ chức tuyên tuyền các quy định về chuẩn nghèo đa chiều theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo để các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân được biết, phối hợp thực hiện, góp phần phát huy tinh thần dân chủ, công khai và công bằng.

7. Đề nghị UBMTTQVN và tổ chức chính trị xã hội: phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên tham gia rà soát; phân loại hội viên nghèo, cận nghèo, thoát nghèo; thực hiện giám sát nhằm không để xảy ra tiêu cực trong rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

8. Trưởng các thôn trên địa bàn xã:

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo để Nhân dân được biết, phối hợp thực hiện, góp phần phát huy tinh thần dân chủ, công khai và công bằng.

- Chủ động phát hiện những hộ có nguy cơ rơi nghèo, rơi cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030 (do chuẩn nghèo tăng); hướng dẫn các hộ làm giấy đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch UBND xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện); lập danh sách hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát theo theo mẫu 2.1. Phiếu A gửi về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để phối hợp rà soát nhận diện nhanh hộ gia đình.

- Chọn người tham gia thực hiện rà soát trên địa bàn thôn phù với số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có đơn đăng ký rà soát (dự kiến), ưu tiên lựa chọn người có khả năng giao tiếp, ghi chép, biết công nghệ thông tin, sử dụng điện thoại thông minh, am hiểu địa bàn rà soát.

- Tổ chức thu thập thông tin hộ gia đình thuộc diện rà soát trong quá trình điều tra, rà soát; Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, kết quả phân

loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại điểm c, khoản 4.3, Mục 4 của Kế hoạch này.

- Theo dõi, tổng hợp ý kiến của người dân trong quá trình thực hiện niêm yết, công khai; báo cáo những trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát về UBND xã (qua phòng Kinh tế) để chỉ đạo xử lý.

9. Đề nghị Bí thư chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn phối hợp với Trưởng thôn trong quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026.

Trên đây là Kế hoạch triển khai rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo 02 chuẩn nghèo đa chiều quốc gia quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP trên địa bàn xã Sông Kôn.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan và Trưởng ban nhân dân các thôn trên địa bàn xã căn cứ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục PTNT;
- TT. Đảng ủy, HĐND, UBMTTQVN xã;
- Các Tổ chức Chính trị xã hội xã ;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Thống kê Cơ sở Đông Giang;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Sanh

tungdh - 23/09/2026 20:18:25 - tungdh - tungdh - tungdh